

Số: 534/QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra
chương trình đào tạo đại học ngành Tâm lý học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN ngày 01/10/2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo đại học ngành Tâm lý học, mã số: 7310401 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm học 2023 - 2024.

Điều 3. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa Công tác xã hội và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu: TC-HC, Khoa CTXH.



GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Hải Đăng

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH TÂM LÝ HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 534/QĐ-HVTTNVN ngày 17 tháng 8 năm 2023
của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo :
- + Tên tiếng Việt : Tâm lý học
- + Tên tiếng Anh : Psychology
- + Mã số ngành đào tạo : 7310401
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Thời gian đào tạo : 4 năm
- Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp : Bằng cử nhân
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng : Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Tâm lý học có phẩm chất chính trị, trình độ và đạo đức, có kiến thức chuyên môn thực tế vững chắc, kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Tâm lý học; có kỹ năng phân tích, tổng hợp và thực hành nghề nghiệp; có khả năng nghiên cứu; phát hiện và trợ giúp tâm lý cho cá nhân, nhóm gặp khó khăn tâm lý, đặc biệt là nhóm thanh thiếu nhi; có khả năng làm việc độc lập và ý thức trách nhiệm và nghề nghiệp; có khả năng ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu công việc và có ý thức phục vụ nhân dân.

2.2. Các mục tiêu cụ thể:

PO1: Có kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào học tập và các hoạt động nghề nghiệp; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ và tin học.

PO2: Có kiến thức khoa học cơ sở nền tảng về Tâm lý học và tham vấn cho thanh thiếu nhi để trở thành nhà Tâm lý học trong tương lai.

PO3: Có kỹ năng hỗ trợ tâm lý, tham vấn tâm lý nói chung và tham vấn cho thanh thiếu nhi nói riêng; có kỹ năng làm việc nhóm, độc lập, có kỹ mềm để giải

quyết các vấn đề trong thực tiễn; có khả năng nghiên cứu các lĩnh vực của Tâm lý học và phát triển nghề Tâm lý học.

PO4: Có kỹ năng ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và kỹ năng tin học đáp ứng với yêu cầu của nghề nghiệp và thích ứng với môi trường làm việc đa dạng văn hoá.

PO5: Đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, phát huy được các giá trị nghề nghiệp và các quy tắc đạo đức nghề để thúc đẩy sự phát triển của nghề; thể hiện được tính chuyên nghiệp trong hành nghề và có ý thức tự chủ, học tập suốt đời.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước trong học tập, nghiên cứu và làm việc.

PLO2: Vận dụng được kiến thức nền tảng, phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội; nghiên cứu khoa học, thống kê trong khoa học xã hội, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm vào thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực Tâm lý học.

PLO3: Phân tích được các cơ chế, nguyên tắc, hiện tượng tâm lý của con người trong hoạt động nghề nghiệp. Vận dụng được các kiến thức về tâm lý người, các học thuyết Tâm lý học để giải thích được các hiện tượng tâm lý, hỗ trợ tâm lý cho cá nhân, nhóm.

PLO4: Vận dụng được các kiến thức về hình thức, kỹ năng, quy trình tham vấn tâm lý cho thân chủ.

PLO5: Vận dụng được các kiến thức về tâm lý và tham vấn cho thanh thiếu nhi gặp các vấn đề như bị bạo lực; nghiện game, chất và mạng xã hội; vi phạm pháp luật, có vấn đề về sức khỏe tâm thần...

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO6: Nhận diện và giải quyết được các vấn đề trong thực tế và công việc theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước;

PLO7: Thực hiện được các phương pháp nghiên cứu khoa học vào nhận diện, lý giải, các vấn đề liên quan đến Tâm lý học; áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học đã được công bố vào thực hành tâm lý; có kỹ năng làm việc nhóm, vận dụng được kỹ năng mềm trong công việc, nghề nghiệp và các mối quan hệ xã hội. Xây dựng được các kế hoạch phát triển nghề nghiệp.

PLO8: Đánh giá và chẩn đoán được các vấn đề tâm lý; lựa chọn được phương pháp hỗ trợ phù hợp với các đối tượng đang có khó khăn tâm lý.

PLO9: Thực hiện được tham vấn tâm lý cá nhân, tham vấn nhóm và tổ chức

các hoạt động phòng ngừa cho đối tượng là thanh thiếu nhi có các vấn đề như bị bạo lực; nghiện game, chất và mạng xã hội; vi phạm pháp luật, hướng nghiệp, có vấn đề về sức khỏe tâm thần.

PLO10: Đề xuất, tham gia và phản biện xã hội về các hiện tượng tâm lý của thanh thiếu nhi; có khả năng khởi nghiệp; Thực hiện được một số kỹ năng nghiệp vụ Đoàn, Hội, Đội cho thanh thiếu nhi.

PLO11: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014).

PLO12: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (gồm đủ 6 mô đun cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014).

3.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm (TC)

PLO13: Có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng; tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có tinh thần trách nhiệm, tự giác học tập, nghiên cứu.

PLO14: Tự giác, tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức liên quan đến nghề nghiệp; làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; có trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; chịu trách nhiệm về công việc được giao;

PLO15: Thực hiện nghiêm túc các quy điều đạo đức nghề nghiệp, hướng tới sự phát triển chuyên nghiệp trong nghề, xác định được những sai phạm liên quan đến đạo đức trong nghề nghiệp và lựa chọn được các biện pháp phù hợp để giải quyết vấn đề. Tự đánh giá và điều chỉnh bản thân trong quá trình phát triển nghề.

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Là cán bộ trong các cơ quan của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Là cán bộ tư vấn tâm lý trong các cơ quan, tổ chức của nhà nước và tư nhân có hoạt động của nhà tâm lý.

- Làm công tác tư vấn, tham vấn, hỗ trợ tâm lý nói chung trong vai trò nhà tâm lý cho các tổ chức hoặc là chuyên gia độc lập.

- Tham vấn, tư vấn và hỗ trợ tâm lý cho thanh thiếu nhi trong một số môi trường như học đường, bệnh viện, trung tâm cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý.

- Nghiên cứu và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng tại các Viện, các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Tâm lý học, các tổ chức phi Chính phủ trong và ngoài nước....

- Chuyên viên tham vấn tâm lý, cán bộ bảo vệ trẻ em trong các tổ chức đoàn thể, chính quyền ở các địa phương trong cả nước.

5. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

5.1 Ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra vào mục tiêu chương trình đào tạo

STT		Mục tiêu				
	Mã CDR	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
1	PLO1	3	2	1	0	2
2	PLO2	2	1	3	1	1
3	PLO3	1	2	3	0	2
4	PLO4	0	2	3	1	2
5	PLO5	0	2	3	0	3
6	PLO6	3	2	1	0	1
7	PLO7	1	3	3	0	2
8	PLO8	0	2	3	0	3
9	PLO9	0	3	3	0	3
10	PLO10	1	2	2	0	2
11	PLO11	0	2	2	3	1
12	PLO12	1	2	2	3	2
13	PLO13	3	2	2	0	3
14	PLO14	2	2	3	0	3
15	PLO15	1	2	1	0	3

Ghi chú: 0: không có đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao

5.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

STT	Học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
1	Triết học Mác - Lênin	C	V	-	-	-	C	-	-	-	-	-	-	-	V	V
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	C	V	-	-	-	C	-	-	-	-	-	-	-	V	V
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	C	V	-	-	-	C	-	-	-	-	-	-	-	V	V
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	C	V	-	-	-	C	-	-	-	-	-	-	-	V	V
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	C	V	-	-	-	C	-	-	-	-	-	-	-	V	V
6	Tâm lý học đại cương	-	C	C	T	-	V	T	-	T	-	-	-	V	V	-
7	Xã hội học đại cương	V	C	V	-	-	C	-	-	-	V	-	-	-	T	T
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	T	C	V	-	V	-	C	-	-	V	-	-	-	T	T
9	Pháp luật đại cương	C	V	-	-	-	-	T	-	-	-	-	-	-	-	C
10	Khởi nghiệp trong thanh niên	V	V	-	-	-	V	-	-	-	-	-	-	-	V	C
11	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	C	V	-	-	-	V	-	-	-	T	-	-	-	V	V
12	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	V	V	-	-	-	V	-	-	-	C	-	-	-	V	V
13	Tiếng Anh 1	-	V	-	-	-	-	-	-	-	-	C	-	-	V	V
14	Tiếng Anh 2	-	V	-	-	-	-	-	-	-	-	C	-	-	V	V

STT	Học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
15	Tin học đại cương	-	V	-	-	-	-	-	-	-	-	-	C	-	V	V
16	Thống kê trong khoa học xã hội	V	C	-	-	-	-	C	-	-	-	-	-	C	V	-
17	Giáo dục thể chất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Giáo dục quốc phòng – an ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	-	V	V	T	-	V	-	-	V	-	-	-	-	-	V
20	Vũ quốc tế	-	-	-	-	-	-	-	-	V	-	-	-	-	-	-
21	Giới và phát triển	-	C	C	T	-	-	-	V	V	-	-	-	-	-	-
22	Logic học đại cương	-	V	V	-	-	C	-	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Sinh lý thần kinh	-	C	C	-	V	-	C	-	-	-	-	-	-	T	T
24	Các trường phái trong tham vấn, trị liệu tâm lý	-	C	C	C	V	-	C	V	-	-	-	-	-	V	V
25	Tâm lý học phát triển	-	C	C	-	V	-	-	V	-	T	-	-	-	V	-
26	Tâm lý học xã hội	-	C	C	-	-	-	C	-	V	-	-	-	-	-	-
27	Tham vấn cơ bản	-	-	V	C	C	-	C	C	-	-	-	V	T		-
28	Giáo dục giới tính và tình dục toàn diện cho thanh thiếu niên	-	C	-	V	C	-	V	V	T	-	-	-	-	T	-
29	Tâm lý học tham vấn	-	C	C	-	-	-	V	V	-	-	-	-	V	V	-

STT	Học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
30	Hành vi con người và môi trường xã hội	-	C	C	-	-	V	T	T	-	-	-	-	V	-	-
31	Thực hành tâm lý học 1	-	-	-	-	-	-	C	C	C	T	-	-	-	V	C
32	Sức khoẻ tâm thần	-	C	C	V	V	-	V	C	V	-	-	-	-	V	T
33	Tâm lý học trường học	-	C	C	V	C	-		V	C	-	-	-	-	T	-
34	Công tác xã hội trường học	-	V	V	V	C	-		V	C	-	-	-	-	-	-
35	Kỹ năng mềm	-	V	-	-	-	-	C		V	-	-	-	-	V	-
36	Thực hành tâm lý học 2	-	-	-	-	-	-	C	C	C	-	T	-	-	V	C
37	Tiếng Anh 3	-	V	-	-	-	-	-	-	-	-	C	-	-	V	V
38	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cho thanh thiếu nhi	-	-	C	V	C	-	-	V	V	-	-	-	-	V	V
39	Tâm lý học truyền thông	-	C	C	-	-	-	V	-	V	-	-	-	-	T	V
40	Giáo dục học đại cương	-	T	T	-	-	-	-	V	V	-	-	T	T	V	-
41	Đạo đức nghề nghiệp	-		V	V	-	-	-	-	-	-	-	-	V	C	C
42	Tâm lý học Giới và Gia đình	-	V	C	T	-	-	-	T	T	-	-	T	C	V	-
43	Chẩn đoán tâm lý	-	-	C	-	-	-	-	C	C	-	-	-	-	V	V
44	Tham vấn nhóm và tổ chức các hoạt động phòng ngừa	-	V		C	V	-	V	C	C	-	-	-	-	V	V

STT	Học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
45	Tham vấn trẻ em	-	-	-	-	C	-	V	C	C	V	-	-	-	T	V
46	Tâm lý học lao động hướng nghiệp	-	-	C	C	V	-	-	V	V	T	-	-	-	-	-
47	Tâm lý học lâm sàng	-	-	C	C	V	-	-	C	C	V	-	-	-	T	V
48	Tham vấn cho trẻ nghiện game, mạng xã hội và nghiện chất	-	-		C	C	-	-	C	C	-	-	-	-	V	V
49	Tham vấn cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	-	-	V	C	C	-	-	C	C	V	-	-	-	V	V
50	Tham vấn cho thanh thiếu niên vi phạm pháp luật	-	-	V	C	C	-	-	C	C	V	-	-	-	V	V
51	Tham vấn cho thanh thiếu sang chấn và khủng hoảng tâm lý	-	-	V	C	C	-	-	C	C	V	-	-	-	V	V
52	Tâm lý học nhân cách (chọn)	-	V	C	T	-	-	-	C	T		-	-	-	T	T
53	Chính sách xã hội	C	V			V	C	V	-	V	V	-	-	V	T	T
54	Tham vấn cho trẻ bị bạo lực	-	-	C	C	C	-	-	V	C	T	-	-	-	T	V
55	Tham vấn hôn nhân và gia đình	-	-	C	C	V	-	-	C	C	-	-	-	-	T	T
56	Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án trong lĩnh vực Tâm lý học	-	C	T	T	-	-	C	-	-	C	-	-	-	T	T
57	Tham vấn cho gia đình trẻ rối loạn phát triển	-	-	V	C	T	-	-	C	C	V	-	-	-	T	-

STT	Học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
58	Thực tập tốt nghiệp	-	-	-	C	C	-	-	C	C	T	-	-	-	V	C
59	Khóa luận TN/ Các học phần thay thế khóa luận TN	-	C	-	V	C	-	-	C	C	T	-	-	-	V	C

6. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra

6.1. Kế hoạch thực hiện để đạt chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

6.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam./.



GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Hải Đăng

